

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS-PT
Ngày 21-12-2018
V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3661/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3730/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị L, sinh năm 1962; ĐKNKTT: Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Số 25S/23/373 đường NGT, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình G, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà Vũ Thị L và bị đơn Ông Nguyễn Đình G.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Vũ Thị L trình bày:

Năm 1983, Bà Vũ Thị L được tuyển dụng vào công tác tại Câu lạc bộ thanh thiếu niên thành phố Hải Phòng (nay là Cung Văn hóa thiếu nhi thành phố Hải Phòng). Đến năm 1987, do bà L không có chỗ ở và đi làm xa nên Cung Văn hóa thiếu nhi đã tạo điều kiện cho bà L được ở nhờ gầm cầu thang của Cung Văn hóa thiếu nhi. Năm 1990, xảy ra tình trạng lấn chiếm đất của Cung Văn hóa thiếu nhi nên Cung Văn hóa thiếu nhi đã ban hành kế hoạch chống lấn chiếm đất. Do bà L đang ở nhờ gầm cầu thang ẩm thấp, không đảm bảo cho sức khỏe nên ngày 19/7/1992, bà L được Cung Văn hóa thiếu nhi phân công cho bà quản lý bảo vệ 02 gian nhà thông nhau (nay là nhà Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng). Sau đó, bà đã dọn về địa chỉ trên sinh sống.

Sau khi chuyển về địa chỉ trên sinh sống, bà L có tình cảm với Ông Nguyễn Đình G. Ngày 02/01/1993, ông G và bà L có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam nhưng không đăng ký kết hôn và về ở tại căn nhà do Cung Văn hóa thiếu nhi giao. Thời điểm bà L và ông G chung sống với nhau, bà biết ông G đã có vợ, con nhưng do bà nghĩ ông G đã ly hôn vợ nên bà đã chung sống với ông G. Đến năm 1996, ông G mới được Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết cho ly hôn với vợ là bà Vương Thị B. Đến năm 2005, thì ông G, bà L xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2013, ông bà không sống chung với nhau, sau đó bà L đã đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Vũ H.

Ngày 02/7/2015, bà L đã ký Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 265/2015/HĐ với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng. Ngày 15/9/2015, bà L được Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB235013 mang tên Vũ Thị L đối với diện tích đất 49,4m² và nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 31,10m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số LT-14, tại địa chỉ Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Bà L khẳng định diện tích đất 49,4m² và trên đất có nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 31,10m² tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của bà. Bà L thừa nhận, năm 2013 ông G đã sửa chữa, xây thêm 01 phần nhà bếp và lợp lại mái tôn và 01 cửa sắt, xây thêm 01 bức tường ngăn lại cửa lối đi gian thông nhau. Từ năm 1992 đến năm 2016, bà là người đóng thuế quyền sử dụng đất. Năm 2017, 2018, ông G là người đóng thuế quyền sử dụng đất cho Nhà nước.

Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông G chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi nhà của bà nhưng ông G không thực hiện. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G

phải trả cho bà diện tích đất 49,4m² và trên đất có nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 31,10m² tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Đối với phần kiến trúc ông G đã xây dựng thêm, bà đồng ý trả ông G số tiền 8.904.798 đồng như kết luận định giá.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nguyễn Đình G trình bày:

Năm 1993, ông G và Bà Vũ Thị L xây dựng hạnh phúc, có tổ chức lễ cưới. Thời điểm ông và bà L chung sống với nhau, ông đã có vợ, con nên ông bà không đăng ký kết hôn. Đến năm 1996, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã giải quyết cho ông và vợ ông là bà Vương Thị B ly hôn.

Do kinh tế khó khăn, không có nhà ở nên cơ quan bà L là Cung Văn hóa thiếu nhi đã cho ông bà ở tạm gầm cầu thang của Cung Văn hóa thiếu nhi. Đến năm 1997, Cung Văn hóa thiếu nhi đã cho ông bà ở gian nhà cấp 4 (hiện nay là Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng). Do ông và bà L là vợ chồng nên Cung Văn hóa thiếu nhi mới cấp cho bà L diện tích đất và nhà trên. Đến năm 2013, do mâu thuẫn gia đình nên bà L tự ý bỏ nhà đi, đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Vũ H.

Sau khi bà L bỏ nhà đi, ông G và bà L đã thỏa thuận chia đôi tài sản là căn nhà ông bà đang ở nhưng không lập thành văn bản. Sau đó, ông đã ngăn đôi căn nhà trên và ở ½ diện tích nhà và đất, ông đã sửa chữa, xây thêm 01 phần nhà bếp, lợp lại mái tôn, lắp mới 01 cửa sắt, xây thêm 01 bức tường ngăn lại của lối đi gian thông nhau. Tổng giá trị là 13.000.000 đồng.

Việc bà L một mình ký Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước với Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất địa chỉ số 6/55 đường Lạch Tray mang tên Bà Vũ Thị L ông không được biết. Trong quá trình chung sống với nhau, ông và bà L không có con chung. Từ năm 2013 đến nay, một mình ông sinh sống tại nhà đất trên, ông đã đóng thuế đất đầy đủ từ năm 2014 đến nay nhưng trong biên lai từ năm 2014 đến 2016 lại ghi tên bà L. Biên lai thu thuế, năm 2017, 2018 ghi tên ông. Ông G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông đề nghị Tòa án chia đôi tài sản nhà và đất trên bằng hiện vật. Nếu ông ở nhà đất trên, ông sẽ trả cho bà L giá trị tài sản chênh lệch.

Theo kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp: Diện tích đất 49,4m² có giá trị 1.012.700.000 đồng. Tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 01 tầng có giá trị là 181.306.000 đồng, trong đó phần kiến trúc ông G đã xây dựng, coi nói, sửa chữa là 8.904.798 đồng.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 205, Điều 206 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản a Điều 3 của Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2010 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 10 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vũ Thị L:

Buộc Ông Nguyễn Đình G phải trả Bà Vũ Thị L diện tích đất 49,4m² và nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 31,10m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ: LT-14 tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB235013 do Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/9/2015 mang tên Bà Vũ Thị L.

Bà Vũ Thị L có trách nhiệm trả cho Ông Nguyễn Đình G số tiền là 200.000.000 đồng tiền công sức đóng góp của ông G trong việc tạo lập, duy trì, phát triển đối với tài sản trên.

- Về án phí: Miễn cho Ông Nguyễn Đình G 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thị L phải nộp 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Bà Vũ Thị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011893 ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Bà Vũ Thị L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 9.700.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 27/8/2018, nguyên đơn Bà Vũ Thị L kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc bà phải trả cho Ông Nguyễn Đình G 200.000.000 đồng tiền công sức tạo lập, duy trì, phát triển tài sản.

- Ngày 06/9/2018, bị đơn Ông Nguyễn Đình G cho rằng nhà Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng là tài sản chung nên kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà L.

- Ngày 05/9/2018, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng kháng nghị, nội dung:

+ Ông G không có công sức đóng góp trong việc tạo lập, phát triển tài sản. Việc ông G sửa chữa tài sản là tự ý, phục vụ cho chính bản thân ông G nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải trả cho ông G số tiền 200.000.000đ là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị sửa án sơ thẩm, không buộc bà L phải trả cho ông G số tiền 200.000.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên.

+ Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải nộp 10.000.000 đồng án phí dân sự là không đúng, vì đây là vụ án tranh chấp quyền sở hữu tài sản, Tòa án không phải xem xét về giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu của ai nên trường hợp này theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì đương sự chịu án phí không có giá ngạch. Đề nghị sửa án sơ thẩm, tuyên bà L không phải chịu phải nộp 10.000.000 đồng án phí dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và nội dung kháng cáo.

- Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Về kháng cáo của bị đơn: Ông G, bà L chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định của pháp luật thì quan hệ giữa ông G và bà L không phải vợ chồng. Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là căn nhà Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Bà L được Cung văn hóa thiếu nhi giao cho bà L trước khi chung sống với ông G. Đến năm 2015, bà L được UBND quận Ngô Quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên mang tên bà L. Vì vậy, đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp trên là tài sản riêng của bà L, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông G.

- Về kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý trả cho ông G số tiền 200.000.000 đồng: Trong thời gian chung sống với bà L, ông G không có công sức

đóng góp gì về việc tạo lập, phát triển tài sản. Chỉ đến năm 2013, sau khi bà L chuyển đi nên ông G tự ý sửa chữa, xây thêm một số hạng mục trị giá 8.904.798 đồng. Tòa án sơ thẩm tuyên bà L phải trả cho ông G số tiền 200.000.000 đồng là quá cao. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà L chỉ hỗ trợ cho ông G 100.000.000 đồng để ông G tìm nơi ở mới.

- Về kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với phần án phí của bà L: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, Tòa án không phải xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản của ai nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì đương sự phải chịu án phí không có giá ngạch. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải chịu án phí có giá gạch đối với 200.000.000 đồng là tiền hỗ trợ cho ông G là không đảm bảo. Trong vụ án này, bà L kiện đòi tài sản và đã được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm đối với phần án phí của bà L.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án.

- Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông G đều xác nhận năm 1993 bà L và ông G chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới ngày 02/01/1993 (tức ngày 10/12/1992 âm lịch) theo phong tục tập quán Việt Nam nhưng không đăng ký kết hôn. Tại thời điểm ông bà tổ chức lễ cưới, ông G đã có vợ con. Đến năm 1996, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho ông G ly hôn vợ là bà Vương Thị B. Vì vậy, căn cứ vào Điều 4 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 10, quan hệ giữa bà L và ông G không phải là vợ chồng.

[3]. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp: Theo cung cấp của Cung Văn hóa thiếu nhi thành phố Hải Phòng, lời khai của ông Đỗ Bảo Gi nguyên là Giám đốc; ông Hoàng Th nguyên là Phó Giám đốc Cung văn hóa thiếu nhi Hải Phòng, phù hợp với cung cấp của UBND phường Lạch Tray thể hiện nội dung: Năm 1983, Bà Vũ Thị L được tuyển dụng vào công tác tại Câu lạc bộ thanh thiếu niên thành phố Hải Phòng (nay là Cung Văn hóa thiếu nhi thành phố Hải Phòng). Năm 1987, do bà L

không có nhà ở nên Cung Văn hóa thiếu nhi đã tạo điều kiện cho bà được ở nhờ gầm cầu thang của Cung Văn hóa thiếu nhi. Đến năm 1990, xảy ra tình trạng lấn chiếm đất của Cung Văn hóa thiếu nhi nên Cung Văn hóa thiếu nhi đã ban hành kế hoạch chống lấn chiếm đất. Ngày 19/7/1992, Cung Văn hóa thiếu nhi họp bất thường và phân công cho bà L quản lý, bảo vệ 02 gian nhà thông nhau (nay là địa chỉ Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng). Sau khi được cơ quan bố trí nhà và đất, bà đã dọn về sinh sống tại địa chỉ trên. Bà Nguyễn Thị D nguyên là cán bộ Cung Văn hóa thiếu nhi Hải Phòng khai: Năm 1991, bà D được Cung Văn hóa thiếu nhi tạm giao cho quản lý nhà số 5/55 đường Lạch Tray. Đến tháng 7/1992, Bà Vũ Thị L được Cung Văn hóa thiếu nhi tạm giao cho Bà Vũ Thị L quản lý nhà số 6/55 đường Lạch Tray. Do đó, đủ căn cứ xác định tài sản diện tích đất và nhà tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng được Cung Văn hóa thiếu nhi Hải Phòng giao cho một mình bà L trực tiếp quản lý vào ngày 19/7/1992, trước thời điểm bà L và ông G tổ chức lễ cưới, không phải được giao cho cả ông G và bà L như lời trình bày của ông G.

[4]. Theo cung cấp của UBND phường Lạch Tray, Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thể hiện nội dung: Căn cứ Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc bán 96 căn hộ nhà ở cũ theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 trong đó có căn hộ của bà L tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Ngày 02/7/2015, bà L đã ký Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 265/2015/HĐ với Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng. Ngày 15/9/2015, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB235013 do UBND quận Ngô Quyền cấp mang tên Vũ Thị L với diện tích đất 49,4m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 31,10m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ: LT-14 địa chỉ tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

[5]. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên đủ cơ sở khẳng định diện tích đất 49,4m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 31,10m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ: LT-14 tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của bà L. Quá trình chung sống với ông G, bà L và ông G không có văn bản thỏa thuận về việc nhập nhà, đất trên thành tài sản chung; không có văn bản thỏa thuận về việc chia đôi nhà và đất như trình bày của ông G. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lài, buộc ông G phải trả lại cho bà L diện tích đất 49,4m² và tài sản trên đất tại địa chỉ số 6/55 đường Lạch Tray là có căn cứ. Kháng cáo của ông G không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6]. Về kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và kháng cáo của Bà Vũ Thị L về số tiền bà L phải trả cho Ông Nguyễn

Đình G 200.000.000 đồng. Xét thấy, mặc dù xác định tài sản tranh chấp là tài sản riêng của bà L. Tuy nhiên, khi giải quyết cần phải xem xét đến công sức bảo quản, duy trì tài sản của ông G từ năm 1993 đến nay. Ngoài ra, quá trình sử dụng tài sản trên, ông G đã sửa chữa, xây thêm 01 phần nhà bếp và lợp lại mái tôn và 01 cửa sắt, xây thêm 01 bức tường ngăn lại cửa lối đi gian thông nhau, theo kết luận định giá tài sản là 8.904.798 đồng (làm tròn là 8.900.000 đồng), do đó cần phải tính đến công sức cải tạo, phát triển tài sản của ông G. Tại phiên họp hòa giải, bà L đồng ý hỗ trợ cho ông G với số tiền là 150.000.000 đồng. Hơn nữa, hiện nay ông G không có chỗ ở nào khác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải trả công sức cho ông G số tiền 200.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên, cần phải tính công sức cụ thể, gồm: Công sức đóng góp trong việc cải tạo, phát triển khối tài sản 8.900.000 đồng và hỗ trợ công sức bảo quản, duy trì tài sản 191.100.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và kháng cáo của bà L về nội dung này không được chấp nhận.

[7]. Ông Nguyễn Đình G có đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB235013 do Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền cấp mang tên Bà Vũ Thị L đối với diện tích đất 49,4m² và tài sản trên đất là nhà cấp 4 diện tích xây dựng 31,10m² tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Ngày 07/5/2018, ông G có đơn xin rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông G là người cao tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông G được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà L phải trả công sức cho ông G số tiền 200.000.000 đồng (bao gồm công sức đóng góp trong việc cải tạo, phát triển khối tài sản 8.900.000 đồng và hỗ trợ công sức bảo quản, duy trì tài sản 191.100.000 đồng), bà L chỉ phải chịu án phí đối với số tiền công sức đóng góp trong việc cải tạo, phát triển khối tài sản 8.900.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, sửa một phần bản án về án phí dân sự sơ thẩm đối với bà L.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Bà Vũ Thị L, Ông Nguyễn Đình G kháng cáo không phải chịu án dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 14; Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 309; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 10;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14,

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Bà Vũ Thị L.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Đình G.
- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí đối với Bà Vũ Thị L.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vũ Thị L.

Buộc Ông Nguyễn Đình G phải trả cho Bà Vũ Thị L diện tích đất 49,4m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 31,10m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ LT-14; địa chỉ tại Số 6/55 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB235013 do Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/9/2015 mang tên Bà Vũ Thị L.

Bà Vũ Thị L có trách nhiệm trả cho Ông Nguyễn Đình G số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng), bao gồm: Công sức đóng góp trong việc cải tạo, phát triển khối tài sản 8.900.000đồng và hỗ trợ công sức bảo quản, duy trì tài sản 191.100.000đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị L phải nộp 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Bà Vũ Thị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011893 ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Bà Vũ Thị L tiếp tục phải nộp số tiền án phí còn lại là 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn cho Ông Nguyễn Đình G án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vũ Thị L và Ông Nguyễn Đình G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Bà Vũ Thị L 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014840 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Hương Nguyễn Thị Thu Thủy

Lương Ngọc Dũng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

Lương Ngọc Dũng